

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ XANH
GREEN DIAMOND**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG ĐÔ THỊ XANH GREEN DIAMOND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN DIAMOND TRADE &
CONSTRUCTION INVESTMENT GREEN URBAN AREA JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110778265

3. Ngày thành lập: 09/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

HD09-SP.BH -40 Khu đô thị Vinhomes Oceanpark, Đường Hải Âu, Xã Dương Xá,
Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0901555122

Fax:

Email: greendiamond04072024@gmail. Website:
com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác	0119
2.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
3.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
4.	Trồng cây điều	0123
5.	Trồng cây cà phê	0126
6.	Trồng cây chè	0127
7.	Trồng cây ăn quả	0121
8.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
9.	Trồng cây lâu năm khác	0129
10.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
11.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
12.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
13.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
14.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
15.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
16.	Khai thác gỗ	0220

17.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: - Khai thác luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song, mây. - Khai thác cánh kiến, nhựa cây từ cây lâm nghiệp, cây lâm nghiệp đặc sản. - Khai thác gỗ cảnh, củi.	0231
18.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: - Thu nhặt hoa quả, rau hoang dại như trám, quả mọng, quả hạch, quả dầu, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên.	0232
19.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
20.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
21.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
22.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
23.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
24.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Nguyên liệu làm đá mài, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác.	0899
25.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
26.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
27.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
28.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
29.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
30.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: - Sản xuất mỹ phẩm - Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
31.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
32.	Thu gom rác thải độc hại	3812
33.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
34.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
35.	Tái chế phế liệu Chi tiết: - Tái chế phế liệu kim loại - Tái chế phế liệu phi kim loại	3830
36.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900

37.	Xây dựng nhà để ở	4101
38.	Xây dựng nhà không để ở	4102
39.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
40.	Xây dựng công trình đường bộ	4212(Chính)
41.	Xây dựng công trình điện	4221
42.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
43.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
44.	Xây dựng công trình thủy	4291
45.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
46.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
47.	Phá dỡ	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm rà, phá bom mìn)	4312
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
51.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
52.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

53.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
54.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm) Chi tiết: - Bán buôn hoa và cây;	4620
55.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	4632
56.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
57.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	4722
58.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

59.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
60.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
61.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá bán lẻ qua internet) Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử	4791
62.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
63.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
64.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
65.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	8299

6. Vốn điều lệ: 69.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 6.900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN HOÀNG ANH	Tổ 12, Khu 1, Phường Dữu Lâu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.415.0 00	24.150.000.000	35,000	0250860102 72	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.415.0 00	24.150.000.000	35,000		
2	NGUYỄN VĂN DƯ	Thôn Từ Hồ, Xã Yên Phú, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.725.0 00	17.250.000.000	25,000	0330610015 21	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.725.0 00	17.250.000.000	25,000		

